

những giấy tờ, thủ tục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên Bộ số 12/TT-LB ngày 26/7/1995 của liên Bộ Y tế - Lao động - Thương binh và Xã hội đối với các đối tượng khi giám định thương tật do tai nạn lao động, giám định khả năng lao động, để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, y tế ngành, Bảo hiểm xã hội các tỉnh chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Viện Giám định y khoa có trách nhiệm chỉ đạo Hội đồng Giám định y khoa các cấp thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương cần phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ điều trị, Viện Giám định y khoa) để nghiên cứu và kịp thời giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Y tế  
*Thứ trưởng*

LÊ NGỌC TRỌNG

### TỔNG CỤC HẢI QUAN

## **THÔNG TƯ số 06/2000/TT-TCHQ ngày 31/10/2000 hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.**

*Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;*

*Căn cứ Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*

*Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau:*

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và của các bên hợp doanh (dưới đây gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đều phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát của hải quan theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện quy định tại Điều 71, Điều 76 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2000/NĐ-CP):

- Khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu (bao gồm thiết bị, máy móc, vật tư, phương tiện vận tải nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất và hàng hóa nhập khẩu khác) doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải nộp cho cơ quan hải quan bản sao chính thức kế hoạch nhập khẩu (nộp khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên. Các lần sau, mỗi lần làm thủ tục nhập khẩu phải xuất trình bản chính kèm phiếu theo dõi) do Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt, trừ việc nhập khẩu phụ tùng thay thế, doanh nghiệp được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan, không cần văn bản phê duyệt nhập khẩu.

- Hàng hóa xuất khẩu doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu tại cơ quan hải quan không phải có văn bản phê duyệt của Bộ Thương mại (trừ hàng hóa nằm trong danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện).

3. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện như quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói chung (trừ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp chế xuất, doanh

ng nghiệp nằm trong các khu công nghiệp tập trung có quy định cụ thể riêng). Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định chung về thủ tục hải quan và quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

**4. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định được phép kiểm tra tại nhà máy, chân công trình hoặc kho của doanh nghiệp.**

Đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu sản xuất, hàng xuất khẩu nếu nhà máy của doanh nghiệp ở khu chế xuất, khu công nghiệp thì được kiểm tra tại nhà máy. Đối với các trường hợp khác, căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp và khả năng quản lý của hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định áp dụng quy định trên cho từng nhà máy.

**5. Trừ hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP còn tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều phải chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế liên quan khác theo quy định của pháp luật.**

**6. Theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thương mại thì khi duyệt kế hoạch nhập khẩu, Bộ Thương mại đã quy định rõ danh mục và trị giá hàng được nhập khẩu miễn thuế, danh mục hàng và trị giá hàng được nhập khẩu nhưng phải nộp thuế nhập khẩu và các thuế liên quan khác.**

Cơ quan hải quan căn cứ vào quy định tại các văn bản trên để làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Thủ tục miễn thuế, hoàn thuế thực hiện theo các quy định hiện hành.

## II. MỘT SỐ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

### 1. Nhập khẩu:

1.1. Về giám định đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư quy định tại Điều 73 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP:

Cơ quan cấp giấy phép đầu tư chịu trách nhiệm

xem xét vấn đề này. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan căn cứ vào kế hoạch nhập khẩu đã được Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền phê duyệt, không yêu cầu doanh nghiệp nộp hay xuất trình chứng thư giám định.

Thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu nêu ở điều này là thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu để tạo tài sản cố định (bao gồm cả trường hợp thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ). Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất ra sản phẩm không thuộc diện điều chỉnh tại Điều 73 này.

### 1.2. Nơi làm thủ tục hải quan:

- Đối với hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP:

Doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu loại hàng hóa này tại đơn vị hải quan nơi có trụ sở chính hoặc chi nhánh, nhà máy của doanh nghiệp. Trường hợp ở những nơi đó không có hải quan thì doanh nghiệp được chọn nơi nào doanh nghiệp thấy thuận tiện nhất, nhưng đã làm thủ tục ở nơi nào thì chỉ được làm ở nơi đó cho đến khi nhập khẩu hết loại hàng này. Trong trường hợp đặc biệt và được Tổng cục Hải quan chấp nhận, doanh nghiệp được lựa chọn đơn vị hải quan khác nơi đơn vị có trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy để làm thủ tục.

Hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu quy định tại điểm này không phải tính thuế khi làm thủ tục nhập khẩu. Đối với hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải nộp thuế giá trị gia tăng thì vẫn phải tính thuế theo quy định.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện miễn thuế, doanh nghiệp có thể làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu nhập hoặc tại hải quan nơi có nhà máy của doanh nghiệp, trừ hàng tiêu dùng nhập khẩu theo loại hình kinh doanh thì nhất thiết phải làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu nhập.

- Hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, để gia công phải làm thủ tục nhập khẩu tại một đơn vị hải quan cho đến khi hết kế hoạch nhập khẩu hoặc hết hợp đồng gia công.

## 2. Xuất khẩu:

2.1. Vấn đề tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa quy định tại giấy phép đầu tư:

Doanh nghiệp có trách nhiệm trực tiếp báo cáo với cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tỷ lệ xuất khẩu. Các cơ quan này chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện, xem xét điều chỉnh tỷ lệ xuất khẩu và xử lý vi phạm. Riêng đối với những doanh nghiệp có kho bảo thuế thì cơ quan hải quan có trách nhiệm theo dõi tỷ lệ này để giải quyết các vấn đề về thuế.

### 2.2. Về hàng hóa xuất khẩu:

- Doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu theo quy định về hàng xuất khẩu đối với từng loại hình xuất khẩu: xuất kinh doanh; xuất sản xuất xuất khẩu; tái xuất; xuất gia công...

- Đối với hàng tạm xuất có thời hạn để sửa chữa, bảo hành, doanh nghiệp có văn bản đề nghị được tạm xuất để sửa chữa, bảo hành. Văn bản đề nghị phải ghi rõ thời gian và cửa khẩu tái nhập và phải được trưởng hải quan cửa khẩu xuất chấp nhận. Trường hợp có lý do chính đáng doanh nghiệp có thể được trưởng hải quan cửa khẩu gia hạn thêm thời gian tái nhập 1 (một) lần không quá 3 tháng. Nếu quá thời hạn mà không tái nhập thì cơ quan hải quan phải lập biên bản vi phạm để xử lý.

2.3. Đối với hàng sản xuất xuất khẩu, khi xuất khẩu sản phẩm, doanh nghiệp có thể thực hiện 1 trong 2 phương thức sau:

2.3.a) Doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu tại đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu. Hải quan niêm phong hồ sơ và mẫu nguyên liệu chính giao chủ hàng chuyển tới hải quan cửa khẩu xuất để hải quan cửa khẩu xuất kiểm hóa và làm thủ tục xuất. Sau khi làm xong thủ tục xuất, hải quan cửa khẩu niêm phong lại mẫu giao chủ hàng xuất trình lại với hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu. Hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu niêm phong lại mẫu này, giao chủ hàng bảo quản để làm thủ tục cho lô sau. Hoặc:

2.3.b) Doanh nghiệp không mở tờ khai xuất khẩu tại đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu

nguyên liệu thì làm công văn gửi hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu và hải quan cửa khẩu xuất đề nghị được làm thủ tục xuất tại cửa khẩu xuất. Ngoài các nội dung về hàng hóa (tên hàng, lượng hàng...) phải nêu rõ hàng xuất khẩu thuộc tờ khai nhập khẩu nguyên liệu số..., ngày..., cửa khẩu xuất. Kèm theo công văn là bản định mức nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm đó.

Đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu kiểm tra mẫu, nội dung của công văn, ghi ý kiến đề nghị hải quan cửa khẩu xuất cho mở tờ khai xuất khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu tại hải quan làm thủ tục xuất.

Trường hợp nguyên liệu nhập khẩu sau khi sản xuất ra sản phẩm mà hình dáng, tính chất thay đổi (ví dụ: nguyên liệu nhập khẩu là hạt nhựa, thành phẩm là bao bì, túi nylon...; nguyên liệu nhập khẩu là dược liệu, thành phẩm là thuốc chữa bệnh... vv) không thể đối chiếu được thì không nhất thiết phải niêm phong mẫu, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về định mức và sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu đã nhập khẩu trước đó.

Việc luân chuyển hồ sơ giữa hai đơn vị hải quan được tiến hành như sau:

Sau khi làm xong thủ tục xuất khẩu cho lô hàng, hải quan cửa khẩu xuất chuyển cho hải quan làm thủ tục nhập nguyên liệu 1 bộ hồ sơ, trả chủ hàng 1 bộ và hải quan cửa khẩu xuất lưu 1 bộ.

2.3.c) Nơi thanh khoản về thuế là đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu.

3. Vấn đề doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh bán sản phẩm của mình sản xuất cho các doanh nghiệp khác trực tiếp sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP:

Việc mua bán giữa các doanh nghiệp này thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế. Hải quan không làm thủ tục cho việc mua bán này.

Khi doanh nghiệp (mua hàng) xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hải quan làm thủ tục như đối với lô hàng xuất khẩu, hải quan không yêu cầu chủ hàng chứng minh nguồn gốc nguyên liệu hoặc bán sản phẩm sản xuất ra sản phẩm đó,

không yêu cầu giải trình các định mức và không có trách nhiệm xác nhận các định mức thực tế.

**4. Thủ tục hải quan đối với trường hợp doanh nghiệp đầu tư nước ngoài xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài nhưng hàng không xuất ra khỏi Việt Nam mà giao trong nước theo chỉ định của thương nhân nước ngoài (xuất khẩu tại chỗ):**

**4.1. Thủ tục xuất khẩu (thủ tục giao hàng):**

**4.1.a) Doanh nghiệp xuất khẩu (doanh nghiệp giao hàng):** Trên cơ sở hợp đồng xuất khẩu ký với doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp đến hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu nguyên, phụ liệu sản xuất ra sản phẩm đó để mở tờ khai và làm thủ tục xuất khẩu như đối với một lô hàng xuất khẩu thông thường, phù hợp với loại hình. Hợp đồng phải có điều khoản quy định giao hàng tại Việt Nam, ghi rõ tên, địa chỉ doanh nghiệp nhập khẩu (doanh nghiệp nhận hàng).

Sau khi tờ khai xuất khẩu đã được đăng ký, doanh nghiệp tự tổ chức việc giao hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu theo chỉ định của người mua nước ngoài như quy định trong hợp đồng.

**4.1.b) Nhiệm vụ của hải quan làm thủ tục xuất:**

Làm thủ tục đăng ký tờ khai xuất khẩu và thực hiện chính sách thuế cho lô hàng như thủ tục đối với những lô hàng xuất khẩu khác, niêm phong hồ sơ hải quan giao cho doanh nghiệp xuất khẩu để xuất trình cùng với hàng hóa cho hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại nơi giao nhận hàng hóa giữa hai doanh nghiệp. Sau khi nhận lại tờ khai đã ghi kết quả kiểm hóa do đơn vị hải quan làm thủ tục nhập chuyển lại thì lãnh đạo ký xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan.

**4.2. Thủ tục nhập khẩu (thủ tục nhận hàng):**

**4.2.a) Doanh nghiệp nhập khẩu (doanh nghiệp nhận hàng):** Trên cơ sở hợp đồng nhập khẩu ký với nước ngoài, doanh nghiệp nhập khẩu mở tờ khai nhập theo đúng loại hình nhập khẩu và các chính sách về nhập khẩu hiện hành. Nếu lô hàng nhập khẩu thuộc loại hình gia công và nhập nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu thì phải đăng ký tờ khai và làm thủ tục tại đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công hoặc quản lý nguyên phụ liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu (đầu vào, đầu ra) của hàng hóa đó.

Hợp đồng phải có điều khoản quy định việc nhận hàng tại Việt Nam, tên, địa chỉ doanh nghiệp giao hàng.

**4.2.b) Nhiệm vụ hải quan làm thủ tục nhập:**

Làm thủ tục đăng ký tờ khai nhập khẩu theo đúng loại hình, kiểm tra đối chiếu hồ sơ nhập khẩu với hồ sơ xuất khẩu do hải quan làm thủ tục xuất chuyển đến (qua doanh nghiệp giao hàng), kiểm tra thực tế hàng hóa, ghi kết quả kiểm hóa, ký và đóng dấu xác nhận thực xuất vào tờ khai xuất khẩu và chuyển bộ hồ sơ lại hải quan nơi làm thủ tục xuất, xác nhận thực nhập vào tờ khai nhập; nếu thực tế hàng hóa không phù hợp hồ sơ lô hàng thì hải quan lập biên bản để xử lý theo quy định.

- Xác nhận thực xuất phải ghi rõ các chi tiết về tờ khai nhập khẩu tại chỗ (số, ngày, tháng, năm, nơi mở tờ khai).

- Xác nhận thực nhập phải ghi rõ các chi tiết về tờ khai xuất khẩu tại chỗ (số, ngày, tháng, năm, nơi mở tờ khai).

- Thực hiện các bước thủ tục khác và chính sách thuế theo đúng quy định cho từng loại hình.

**5. Vấn đề thanh khoản công trình quy định tại Điều 102 thực hiện như sau:**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép đầu tư cấp giấy xác nhận đăng ký báo cáo quyết toán công trình, doanh nghiệp đến cơ quan hải quan nơi nhập khẩu các loại hàng hóa này để làm thủ tục thanh khoản.

Hồ sơ phải nộp bao gồm:

- Báo cáo quyết toán công trình đã được cơ quan cấp giấy phép đầu tư xác nhận (bản chính).

- Văn bản phê duyệt kế hoạch nhập khẩu của Bộ Thương mại, cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền kèm phiếu theo dõi của hải quan cho toàn bộ công trình (bản chính).

- Bảng kê số lượng, trị giá nguyên liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu.

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập

khẩu cho doanh nghiệp phải hoàn thành việc thanh khoản và xác nhận việc thanh khoản bằng văn bản.

Đối với hàng nhập khẩu để tạo tài sản cố định được phép chuyển mục đích sử dụng hoặc hàng không sử dụng hết, hải quan căn cứ vào giấy phép của Bộ Thương mại để làm thủ tục.

**6. Về gia công và gia công lại của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 75 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau:**

- Phạm vi gia công thực hiện theo quy định tại Điều 75 nói trên.

- Quản lý hải quan đối với hàng gia công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài, Công văn số 584/CP-KTTH ngày 07/6/1999 của Chính phủ, những văn bản hướng dẫn của Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan và Bộ, ngành có liên quan khác.

### III. KHO BẢO THUẾ

**1. Kho bảo thuế được quy định tại Điều 79 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:**

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp được đưa vào lưu giữ tại kho bảo thuế chưa phải tính, nộp thuế nhập khẩu và các thuế liên quan khác.

Nguyên phụ liệu nhập khẩu và sản phẩm được lưu giữ tại kho bảo thuế chỉ bao gồm nguyên phụ liệu dùng để cung ứng cho sản xuất và sản phẩm sản xuất ra của chính doanh nghiệp đó.

**2. Các điều kiện thành lập kho bảo thuế được quy định tại Điều 79 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP. Để đảm bảo yêu cầu quản lý của hải quan, doanh nghiệp còn phải đáp ứng các yêu cầu sau:**

a) Chấp hành tốt các quy định của pháp luật; quan hệ về kinh doanh, tài chính, tín dụng rõ ràng.

b) Có sử dụng hệ thống sổ sách, chứng từ theo

đôi việc xuất khẩu, nhập khẩu, xuất kho, nhập kho đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, hoặc sử dụng hệ thống sổ sách, chứng từ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam chấp thuận.

c) Nhà máy và kho phải đặt ở khu vực thuận lợi cho việc quản lý, giám sát của hải quan.

#### **3. Thủ tục xin thành lập kho bảo thuế:**

3.1. Doanh nghiệp muốn thành lập kho bảo thuế phải nộp cho hải quan tỉnh, thành phố sở tại hai bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau:

- Đơn xin thành lập kho.

- Giấy phép đầu tư (bản sao công chứng).

- Sơ đồ doanh nghiệp và sơ đồ kho bảo thuế.

- Quy tắc hoạt động kho bảo thuế của doanh nghiệp.

3.2. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hải quan tỉnh, thành phố liên quan phải tổ chức khảo sát và nếu đủ điều kiện thì làm văn bản đề xuất với Tổng cục Hải quan (kèm 1 bộ hồ sơ). Văn bản đề xuất phải có nhận xét đầy đủ, cụ thể về tất cả các điều kiện được quy định tại điểm 2, Phần III của Thông tư này về đối tượng xin thành lập kho, khả năng giám sát, quản lý và kiểm tra kho của hải quan địa phương.

Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và đề xuất của hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan sẽ cấp giấy phép thành lập kho bảo thuế hoặc có văn bản trả lời doanh nghiệp.

Giấy phép thành lập kho bảo thuế có giá trị trong 1 (một) năm. Hết hạn, nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng đủ các điều kiện và có đơn đề nghị gia hạn kèm đề xuất của Cục Hải quan tỉnh, thành phố thì Tổng cục Hải quan sẽ xem xét gia hạn từng năm một.

Trường hợp kho bảo thuế hết thời hạn hiệu lực, nếu doanh nghiệp không tiếp tục xin gia hạn nữa thì phần nguyên phụ liệu còn tồn trong kho được giải quyết như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng và có văn bản đề nghị thì hải quan làm thủ tục cho tái xuất hoặc tiêu hủy.

- Nếu doanh nghiệp có văn bản xin chuyển sang loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu hoặc sản xuất để tiêu thụ nội địa thì doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan mới, hải quan tính thuế và ra thông báo thuế. Thời điểm để đăng ký tờ khai, tính thuế là thời điểm hết hiệu lực của kho bảo thuế. Thời gian ân hạn thực hiện theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với từng loại hình.

3.3. Để được thành lập và gia hạn kho bảo thuế, doanh nghiệp phải nộp một khoản lệ phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2000/TTLT-BTC-TCHQ ngày 19/7/2000 của Bộ Tài chính - Tổng cục Hải quan.

4. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho bảo thuế:

Thủ tục hải quan đối với nguyên phụ liệu nhập khẩu đưa vào kho bảo thuế và đối với sản phẩm xuất khẩu như thủ tục hải quan đối với một lô hàng nhập khẩu, xuất khẩu bình thường. Riêng phần tính thuế, nộp thuế của nguyên phụ liệu nhập khẩu thực hiện như sau:

4.1. Doanh nghiệp phải mở tờ khai riêng cho phần nguyên phụ liệu nhập khẩu được bảo thuế. Phần nguyên phụ liệu nhập khẩu để sản xuất tiêu thụ nội địa mở tờ khai riêng.

Căn cứ để xác định tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu được bảo thuế là tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm ghi trong giấy phép đầu tư (nếu doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu theo đúng tỷ lệ quy định của giấy phép đầu tư) hoặc tỷ lệ do doanh nghiệp xác định, nhưng không được dưới 50% sản phẩm sản xuất ra. Trong cả hai trường hợp, doanh nghiệp đều phải có văn bản đăng ký gửi cho hải quan tỉnh, thành phố quản lý kho bảo thuế và Tổng cục Hải quan trước ngày 01 tháng 1 hàng năm.

Căn cứ vào tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ ở thị trường trong nước do doanh nghiệp đăng ký theo cách nói trên, hải quan thực hiện việc đăng ký tờ khai, tính thuế, thu thuế nhập khẩu phần nguyên phụ liệu để sản xuất ra sản phẩm tiêu thụ tại nội địa.

Phần nguyên phụ liệu nhập khẩu đưa vào kho bảo thuế để sản xuất hàng xuất khẩu, hải quan chưa tính thuế trên tờ khai nhưng phải xác định

rõ tên hàng, chủng loại, lượng hàng này trên tờ khai và phải vào sổ theo dõi.

4.2. Hàng hóa đưa vào kho bảo thuế nếu bị hư hỏng, giảm phẩm chất không đáp ứng yêu cầu sản xuất thì được làm thủ tục hải quan để tái xuất hoặc tiêu hủy. Việc tiêu hủy được thực hiện như sau:

Doanh nghiệp làm văn bản gửi hải quan quản lý kho bảo thuế, nêu rõ lý do, tên hàng, chủng loại, số lượng nguyên phụ liệu cần hủy, thuộc tờ khai nhập khẩu số, ngày, tháng, năm.

Doanh nghiệp tự tổ chức và chịu trách nhiệm về việc tiêu hủy. Việc tiêu hủy được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan, cơ quan thuế và cơ quan môi trường.

Kết quả tiêu hủy phải được lập biên bản chứng nhận. Biên bản này là chứng từ thanh khoản sau này.

4.3. Vấn đề lưu giữ nguyên phụ liệu trong kho bảo thuế: Doanh nghiệp được lưu giữ cả nguyên phụ liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước trong kho bảo thuế, nhưng phải để tách riêng từng loại, hải quan quản lý riêng từng loại. Trong quá trình sản xuất, doanh nghiệp có thể chuyển một phần nguyên phụ liệu từ loại này sang loại khác, nhưng phải làm văn bản đề nghị hải quan địa phương và chấp hành đúng tỷ lệ xuất khẩu đã đăng ký.

Khi nhập khẩu nguyên phụ liệu, người gửi hàng không nhất thiết phải tách chứng từ và hàng hóa thành hai loại, mà có thể gửi một lô chung cho cả hai loại hình. Nhưng khi làm thủ tục nhập khẩu thì phải lập tờ khai riêng cho từng loại.

4.4. Kết thúc năm kế hoạch (ngày 31 tháng 12 hàng năm) chậm nhất là ngày 31 tháng 1 năm tiếp theo, doanh nghiệp phải lập bảng tổng hợp các tờ khai và tổng lượng nguyên phụ liệu nhập khẩu được hưởng chế độ bảo thuế, tổng hợp các tờ khai xuất khẩu và tổng lượng sản phẩm xuất khẩu gửi cơ quan hải quan. Sau khi kiểm tra về tính chính xác của báo cáo, đối chiếu với hồ sơ lưu của hải quan và căn cứ vào tỷ lệ sản phẩm phải xuất khẩu doanh nghiệp đã đăng ký hải quan giải quyết như sau:

a) Nếu tỷ lệ xuất khẩu thấp hơn tỷ lệ được

bảo thuế thì doanh nghiệp phải nộp thuế ngay cho phần sản phẩm hoàn chỉnh chênh lệch giữa lượng sản phẩm phải xuất khẩu và lượng sản phẩm thực xuất. Ngoài ra doanh nghiệp còn bị phạt nộp chậm thuế theo đúng quy định của pháp luật. Nếu xuất khẩu dưới 50% sản phẩm hoặc sau 3 năm liên tiếp doanh nghiệp vẫn không thực hiện đúng tỷ lệ đã cam kết thì hải quan tỉnh, thành phố báo cáo đề nghị Tổng cục Hải quan thu hồi giấy phép kho bảo thuế.

Mức thuế áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính vào thời điểm hải quan ra quyết định thu thuế.

b) Nếu tỷ lệ xuất khẩu cao hơn tỷ lệ được bảo thuế thì doanh nghiệp được hoàn thuế phần chênh lệch giữa thực xuất và phần đã nộp thuế.

c) Doanh nghiệp có kho bảo thuế phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các báo cáo tổng hợp nêu ở điểm này.

4.5. Hàng hóa nhập khẩu đưa vào kho bảo thuế không được bán vào thị trường Việt Nam. Trường hợp được Bộ Thương mại cho phép bán tại thị trường Việt Nam thì doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

#### 5. Quản lý của hải quan đối với kho bảo thuế:

Về nguyên tắc, kho bảo thuế tại doanh nghiệp chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, tùy điều kiện cụ thể Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định việc tổ chức giám sát trực tiếp hoặc xác định quyền kiểm tra, giám sát nhưng không trực tiếp giám sát thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát của hải quan chủ yếu thực hiện khi thực tế có hàng hóa đưa vào, đưa ra kho bảo thuế thông qua việc: làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu, xuất khẩu của doanh nghiệp; việc thanh khoản từng lô hàng; kiểm tra các báo cáo của doanh nghiệp; kiểm tra trực tiếp, đột xuất (kể cả kiểm tra sổ sách, chứng từ, hệ thống lưu trữ trong mạng vi tính, kiểm kê hàng hóa trong kho).

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức việc quản lý kho, tạo mọi điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ với hải quan trong việc thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát nói trên.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan đều bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan  
*Phó Tổng cục trưởng*

**ĐẶNG VĂN TẠO**

**THÔNG TƯ số 7/2000/TT-TCHQ ngày 02/11/2000 hướng dẫn thi hành Chương III Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.**

*Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;*

*Thực hiện khoản 4 Điều 29 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;*

*Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thi hành Chương III về gia công với thương nhân nước ngoài quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP nói trên như sau:*

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hợp đồng gia công hàng hóa ký giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài theo nội dung đã được quy định tại Nghị